BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 11

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ÂU CƠ	BÌNH THỚI	RANH QUẬN TÂN BÌNH	10.100
2	BÌNH DƯƠNG THI XÃ	ÂU CƠ	ÔNG ÍCH KHIÊM	4.800
3	BÌNH THỚI	LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	9.700
		MINH PHỤNG	LẠC LONG QUÂN	8.800
4	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ LỮ GIA			7.700
5	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
6	ĐẶNG MINH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
7	ĐÀO NGUYÊN PHỔ	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
8	ĐỖ NGỌC THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
9	ĐỘI CUNG (QUÂN SỰ CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
10	ĐƯỜNG 100 BÌNH THỚI	BÌNH THỚI	HẺM 86 ÔNG ÍCH	7.000
11	ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	8.600
12	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	18.700
		LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	17.600
13	ĐƯỜNG 702 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	DỰ PHÓNG	7.300
14	ĐƯỜNG 762 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	6.400
15	ĐƯỜNG SỐ 2 CƯ XÁ LỮ GIA	ĐƯỜNG 52 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	10.600
16	ĐƯỜNG SỐ 3 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	10.600
17	ĐƯỜNG SỐ 2, 5, 9	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.800
18	ĐƯỜNG SỐ 3, 7	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.800
19	ĐƯỜNG SỐ 3A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
20	ĐƯỜNG SỐ 4,6,8	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
21	ĐƯỜNG SỐ 5A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
22	ĐƯỜNG SỐ 7A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
23	DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
24	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
25	HÀ TÔN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
26	HÀN HẢI NGUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
27	HÀN HẢI NGUYÊN (NỐI DÀI)	PHÚ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	8.100
28	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	TÂN HOÁ	15.400
29	HOÀNG ĐỨC TƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
30	HOÀ BÌNH	LẠC LONG QUÂN	RANH QUẬN TÂN PHÚ	9.900
31	HOÀ HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
32	HUYỆN TOẠI	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
33	KHUÔNG VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
34	LẠC LONG QUÂN	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	HOÀ BÌNH	10.300
		HOÀ BÌNH	ÂU CƠ	11.000
35	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
36	LÃNH BINH THĂNG	ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	11.000
37	LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN CHÍ THANH	ĐƯỜNG 3/2	11.000
		ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	18.300

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
38	LÊ THỊ BẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
39	LÊ TUNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
40	LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	17.400
41	LÒ SIÊU	QUÂN SỰ	ĐƯỜNG 3/2	7.300
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	9.000
42	LÝ NAM ĐẾ	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	11.000
43	LÝ THƯỜNG KIỆT	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN CHÍ THANH	19.800
44	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
45	NGUYỄN BÁ HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
46	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	19.800
		LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	19.800
		NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	14.300
47	NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	15.000
48	NGUYỄN THỊ NHỎ (NỐI DÀI)	BÌNH THỚI	THIÊN PHƯỚC	9.700
49	NGUYỄN VĂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
50	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	11.000
		LÝ NAM ĐẾ	CUỐI ĐƯỜNG	7.700
51	ÔNG ÍCH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
52	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
53	PHÓ CƠ ĐIỀU	ĐƯỜNG 3/2	TRẦN QUÝ	13.200
		TRẦN QUÝ	NGUYỄN CHÍ THANH	12.100
54	PHÚ THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
55	QUÂN SỰ	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
56	TÂN HOÁ	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
57	TÂN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
58	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	8.800
		LÊ ĐẠI HÀNH	LÊ THỊ RIÊNG	11.000
59	TÂN THÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÒ SIÊU	7.700
60	TẠ UYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
61	THÁI PHIÊN	ĐỘI CUNG	ĐƯỜNG 3/2	7.700
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	9.500
62	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ (NỐI DÀI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	7.500
63	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
64	TÔN THẤT HIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
65	TỐNG LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
66	TỐNG VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
67	TRẦN QUÝ	LÊ ĐẠI HÀNH	TẠ UYÊN	12.300
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	10.300
68	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	ÂU CƠ	TỐNG VĂN TRÂN	4.800
69	TUỆ TĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
70	VĨNH VIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
71	XÓM ĐẤT	TRỌN ĐƯỜNG		10.100

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ